

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Thanh Hoá năm 2025

Phần thứ nhất
**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ,
HỢP TÁC XÃ NĂM 2024**

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2024

1. Tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

1.1. Về số lượng, doanh thu và thu nhập của hợp tác xã (HTX), liên hiệp hợp tác xã (LHHTX), tổ hợp tác (THT)

- Về số lượng HTX, LHHTX, THT: Năm 2024, tỉnh Thanh Hóa ước có 51 HTX đăng ký thành lập mới, tăng gấp 2,04 lần so với kế hoạch, tăng 15,9% so với cùng kỳ; nâng tổng số HTX đăng ký thành lập ước đạt 1.348 HTX, đạt 100% kế hoạch, tăng 1,8% so với cùng kỳ, trong đó, có 836 HTX lĩnh vực nông nghiệp (chiếm 62,01% tổng số HTX), 311 HTX công nghiệp - TTCN và dịch vụ thương mại (chiếm 23,07%), 67 QTDND (chiếm 4,97%), 29 HTX dịch vụ môi trường (chiếm 2,15%), 28 HTX giao thông vận tải (chiếm 2%), 20 HTX xây dựng (chiếm 1,48%) và 57 HTX lĩnh vực khác (chiếm 4,2%). Có 03 liên hiệp HTX và 2.571 THT (gồm: 1.286 THT lĩnh vực nông nghiệp, 1.285 THT lĩnh vực CN-TTCN và thương mại).

- Về doanh thu: Năm 2024, tổng doanh thu bình quân một HTX ước đạt 7.550 triệu đồng/năm, đạt 99,3% kế hoạch và tăng 0,3% so với cùng kỳ; lợi nhuận bình quân đạt 280 triệu đồng/HTX/năm, đạt 100% kế hoạch, tăng 1,4% so với cùng kỳ.

- Số HTX hoạt động hiệu quả: Năm 2024, tỉnh Thanh Hóa có 805 HTX hoạt động hiệu quả (chiếm 60,5% tổng số HTX), trong đó, có 615 HTX nông nghiệp, 64 QTND và 126 HTX thuộc lĩnh vực khác. Có 32 HTX giải thể (chiếm 2,3%) và 135 HTX tạm ngừng hoạt động có thời hạn 01 năm theo quy định.

1.2. Về thành viên, lao động của HTX, LHHTX, THT

Năm 2024, khu vực KTTT, HTX có 5.100 thành viên mới (gồm: 3.200 thành viên của QTDND và 1.200 thành viên của HTX thuộc các lĩnh vực khác), đạt 91,07% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ; tổng số thành viên của HTX ước đạt 251.900 thành viên, đạt 98,6% kế hoạch, tăng 0,1% so với cùng kỳ. Số thành viên tự nguyện xin ra khỏi HTX là 4.740 thành viên (gồm: 1.193 thành viên của QTDND và 3.547 thành viên của HTX thuộc các lĩnh vực khác). Tổng

số lao động làm việc thường xuyên trong HTX ước đạt là 40.990 người, đạt 98,5% so với kế hoạch, tăng 1,2% so với cùng kỳ, trong đó số lao động đồng thời là thành viên HTX: 33.240 người, đạt 97% kế hoạch, tăng 1,2% so với cùng kỳ. Thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên tại HTX đạt 51 triệu đồng/năm, đạt 99% kế hoạch, tăng 0,9% so với cùng kỳ.

1.3. Về trình độ cán bộ quản lý HTX, LH HTX, THT

Năm 2024, tổng số cán bộ quản lý HTX khoảng 6.655 người, đạt 99,3% kế hoạch, tăng 0,9% so với cùng kỳ, trong đó, cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học là 2.264 người (chiếm 34%), cán bộ đạt trình độ sơ cấp, trung cấp 2.900 người (chiếm 43,57%); số còn lại đều đã qua ít nhất một khóa tập huấn, lớp đào tạo ngắn hạn về quản lý, điều hành HTX.

2. Đánh giá theo lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp

Năm 2024, tỉnh Thanh Hóa có 03 liên hiệp HTX với 16 thành viên, 1.279 THT với 13.558 thành viên và 836 HTX với 62.316 thành viên hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư và diêm nghiệp; tổng số lao động làm việc thường xuyên trong tổ chức KTTT, HTX là 18.000 người. Tổng số cán bộ quản lý HTX là 3.915 người, trong đó, số cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 1.893 người, số cán bộ quản lý có trình độ sơ cấp và trung cấp là 1.498 người. Có 615 HTX hoạt động hiệu quả, tham gia chuỗi liên kết bền vững, 110 HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, 88 HTX tham gia sản xuất 109 sản phẩm OCOP được công nhận, xếp hạng.

Các HTX nông nghiệp phát triển khá ổn định, từng bước hoạt động đúng bản chất, ngày càng tập trung hơn vào việc hỗ trợ kinh tế hộ thành viên, hộ nông dân, thực hiện tốt chức năng là “bà đỡ” cho kinh tế hộ phát triển; tư duy tổ chức, quản lý HTX được đổi mới, chất lượng hoạt động được nâng lên, đã chủ động đổi mới phương thức quản lý, điều hành, đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất kinh doanh hướng sản xuất hàng hóa; đã xuất hiện nhiều HTX hoạt động hiệu quả, đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2.2. Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại

Năm 2024, Tỉnh Thanh Hóa ước có 1.285 THT và 311 HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - TTCN, dịch vụ thương mại (chiếm 23,56% tổng số hợp tác xã), tăng 0,9% so với cùng kỳ (tăng 3 HTX), trong đó có 958 THT, 181 HTX công nghiệp - TTCN và 327 THT, 130 HTX dịch vụ thương mại; doanh thu bình quân ước đạt 7.000 triệu đồng/HTX/năm; lãi bình quân ước đạt 262 triệu đồng/HTX/năm; thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên trong HTX ước đạt 49 triệu đồng/người/năm.

Các HTX công nghiệp - TTCN, thương mại hoạt động tương đối ổn định và có bước phát triển. Nhiều HTX đã nỗ lực khắc phục khó khăn, đầu tư máy móc thiết bị để khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với phát triển công nghiệp – TTCN và ngành nghề nông thôn, tham gia quản lý, cung ứng điện, sản xuất sản phẩm phục vụ tiêu dùng của nhân dân, góp phần tạo việc làm, duy trì,

phát triển ngành nghề truyền thống và thúc đẩy tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

2.3. Lĩnh vực vận tải

Năm 2024, có 03 HTX giao thông vận tải thành lập mới với 25 thành viên, nâng tổng số HTX giao thông vận tải lên 30 HTX với 2.100 thành viên, tăng 11,1% về số HTX và tăng 2,4% về số thành viên so với cùng kỳ; tổng số lao động làm việc thường xuyên khoảng 2.150 người, trong đó lao động đồng thời là thành viên HTX: 2.014 người, đạt 100% kế hoạch năm. Doanh thu bình quân của HTX ước đạt 7.500 triệu đồng/năm, tăng 7,1% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch; lợi nhuận bình quân HTX ước đạt 160 triệu đồng/năm, tăng 1,9% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch; thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên tại HTX khoảng 90 triệu đồng/người/năm, tăng 7,1% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch; tổng số cán bộ quản lý HTX: 100 người, tăng 9,8% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch.

Các HTX giao thông vận tải đã chú trọng việc huy động vốn góp của thành viên, đầu tư mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị, nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ vận tải, tạo việc làm và thu nhập cho thành viên. Bên cạnh đó, HTX giao thông vận tải đã giúp cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý một số lượng đáng kể phương tiện vận tải tư nhân và hộ cá thể, góp phần ổn định hoạt động vận tải hàng hóa, hành khách trên địa bàn tỉnh.

2.4. Lĩnh vực xây dựng

Năm 2024, có 20 HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Hầu hết HTX có quy mô nhỏ, sử dụng lao động phổ thông, thời vụ, tay nghề thấp, ngày càng khó đáp ứng với tính chất ngành nghề có yêu cầu cao về chất lượng, tiến độ, tiêu chuẩn kỹ thuật, giấy phép và chứng chỉ hành nghề khi tham gia hoạt động thi công, thiết kế xây dựng. Các HTX chủ yếu thi công các công trình quy mô nhỏ, nhà dân, vốn đầu tư thấp, thời gian thi công ngắn, nên hiệu quả hoạt động và lợi ích mang lại cho thành viên chưa cao. Song, các HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cũng đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, góp vốn mua sắm máy móc phục vụ thi công công trình, tạo sự liên kết, hợp tác giữa các thành viên, tạo việc làm và thu nhập cho một bộ phận lao động nông thôn.

2.5. Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND)

Năm 2024, toàn tỉnh có 67 Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), trong đó, có 64 QTDND đang hoạt động hiệu quả, 03 QTD hoạt động kém hiệu quả bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt. Trong năm có 3.200 thành viên mới và 1.193 thành viên tự nguyện xin ra khỏi QTD; tổng số thành viên QTDND đạt 124.650 thành viên. Tổng số lao động thường xuyên làm việc thường xuyên tại QTDND là 894 người. Số cán bộ quản lý QTDND là 264 người, trong đó cán bộ có trình độ thạc sỹ, đại học, cao đẳng: 254 người, trình độ trung cấp: 10 người. Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của hệ thống QTDND khoảng 9.227.289 triệu đồng, tăng 6,24% so với cùng kỳ; huy động vốn đạt 8.324.999 triệu đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ; dư nợ tín dụng đạt 6.080.524 triệu đồng, giảm 2,92% so với cùng kỳ. Doanh thu bình quân của QTD là 6.251 triệu đồng/năm, lãi bình

quân của 01 QTDND là 639 triệu đồng/năm, tăng 3,9% so với cùng kỳ; tạo thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên khoảng 110 triệu đồng/năm.

Hệ thống QTDND đã có bước phát triển lớn mạnh, từng bước khẳng định được vai trò, vị thế trong mô hình kinh tế hợp tác kiểu mới, là kênh cung ứng vốn cho thành viên, hộ nông dân, qua đó góp phần phát triển sản xuất, tạo việc làm, thu nhập và nâng cao đời sống cho thành viên, hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo và góp phần hạn chế tình trạng “tín dụng đen” trên địa bàn.

2.6. Lĩnh vực vệ sinh môi trường

Năm 2024, có 29 HTX hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường. Các HTX hoạt động ổn định và có chiều hướng phát triển, giải quyết tốt công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn hoạt động.

3. Đánh giá tác động của THT, HTX, LHHTX tới thành viên, kinh tế hộ thành viên

Các tổ chức KTTT, HTX với vị trí, vai trò, mục tiêu hoạt động là tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất, kinh doanh, mang lại lợi ích tối đa cho thành viên, nên ngoài ý nghĩa về mặt kinh tế, các HTX đã thúc đẩy kinh tế hộ thành viên phát triển, tạo ra lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ không nhỏ để đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu. Bên cạnh đó, các tổ chức KTTT, HTX đã phát huy được vai trò xã hội trong việc tạo và giải quyết việc làm, thu nhập cho một bộ phận lao động địa phương, góp phần thực hiện các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh - trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế tại địa phương.

4. Một số mô hình hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao

Năm 2024, tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng được một số mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất kinh doanh; tiêu biểu như:

- Mô hình HTX nông nghiệp tập trung tích tụ ruộng đất, ứng dụng công nghệ cao, liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, như: Mô hình liên kết với Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, đầu tư xây dựng nhà màng, nhà lưới trên diện tích 4,1ha để trồng dưa Kim Hoàng Hậu (*được công nhận sản phẩm OCOP 4 sao*) và xây dựng 20ha vùng trồng rau màu theo tiêu chuẩn VietGAP, có dán tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, đạt doanh thu 26 tỷ đồng/năm của HTX DVNN Thiệu Hưng (huyện Thiệu Hóa); Mô hình 1.000m² nhà lạnh trồng lan Hồ Điệp và 7.000m² nhà màng trồng dưa chuột, dưa Kim Hoàng Hậu của HTX nông nghiệp Định Thọ (huyện Quảng Xương); Mô hình tích tụ ruộng đất 81ha trồng mía nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy đường Việt Đài của HTX DVNN Thành Long (huyện Thạch Thành); mô hình liên kết thành viên, hộ nông dân trồng cây chè trên diện tích 30ha và sản xuất sản phẩm chè OCOP chất lượng cao, đạt doanh thu 2,5 tỷ đồng/năm của HTX nông lâm nghiệp Bình Sơn (huyện Triệu Sơn).

- Mô hình HTX tiêu thụ và cung ứng giống, vật tư, máy nông nghiệp, dịch vụ làm đất, bao tiêu sản phẩm cho thành viên, đồng thời xây dựng nhà kho bảo quản, cửa hàng giới thiệu, bán sản phẩm của HTX nông nghiệp Phú Lộc (huyện Hậu Lộc), HTX dịch vụ nông nghiệp Xuân Minh (huyện Thọ Xuân), HTX Đông Tiến (huyện Đông Sơn).

- Mô hình HTX SXTM nông nghiệp sạch Hoàng Đạo (huyện Hoàng Hóa) đầu tư hơn 5 tỷ đồng mua máy móc, xây dựng nhà xưởng sản xuất phân bón hữu cơ, cung ứng cho thành viên và hộ nông dân trên địa bàn hoạt động; tạo thu nhập bình quân của cán bộ, thành viên, lao động đạt 9 triệu đồng/người/tháng.

- Mô hình HTX dịch vụ vệ sinh môi trường Tân Sơn (thành phố Thanh Hóa) tiếp tục duy trì hoạt động trên 36 xã, phường, thị trấn, doanh thu trên 46 tỷ đồng/năm, lợi nhuận 750 triệu đồng/năm, tạo thu nhập 10,2 triệu đồng/người/tháng, thực hiện đóng góp xây dựng nhà cho người nghèo 170,2 triệu đồng.

- Mô hình HTX thủ công mỹ nghệ Tân Thọ (huyện Nông Cống) sản xuất mây tre đan, doanh thu đạt hơn 4,5 tỷ đồng/năm, giải quyết việc làm cho trên 500 lao động, thu nhập bình quân từ 4 - 5 triệu đồng/người/tháng.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ (KTTT), HỢP TÁC XÃ (HTX)

1. Kết quả thi hành pháp luật và các văn bản về KTTT, HTX

Năm 2024, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới, Luật Hợp tác xã, các Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư¹. Bên cạnh đó, tỉnh Thanh Hóa đã tập trung chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các chính sách, chương trình, đề án về phát triển KTTT, HTX mà tỉnh Thanh Hóa đã ban hành², đảm bảo các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ được triển khai đồng bộ, mang lại hiệu quả thiết thực cho khu vực KTTT, HTX.

2. Công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX

Triển khai thực hiện Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 25/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX, tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển KTTT

¹ NQ số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, ND số 92/2024/ND-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; QĐ số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 phê duyệt Kế hoạch phát triển KTTT giai đoạn 2021-2025, Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT.

² KH số 94-KH/TU ngày 13/9/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh; QĐ số 922/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh; QĐ số 3241/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; QĐ số 5453/QĐ-UBND ngày 29/12/2021; QĐ số 3877/QĐ-UBND ngày 10/11/202; KH số 173/KH-UBND ngày 17/8/2020; KH số 197/KH-UBND ngày 30/8/2021; KH số 197/KH-UBND ngày 04/8/2023.

tỉnh³; đồng thời, chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tại địa phương; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện; các sở, ngành cấp tỉnh, theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được giao, tập trung triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác phát triển KTTT, HTX thuộc phạm vi ngành, địa bàn quản lý; định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình hoạt động của KTTT, kịp thời giúp các HTX giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tỉnh Thanh Hóa và các Ban Chỉ đạo phát triển KTTT cấp huyện đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp trong tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, HTX; tham mưu cho UBND tỉnh giao các sở, ngành liên quan thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo theo quy định, xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX, Kế các kế hoạch phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh.

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ HTX

3.1. Chính sách tuyên truyền, hỗ trợ HTX thành lập mới, củng cố tổ chức KTTT, HTX hoạt động theo Luật HTX

Năm 2024, tỉnh Thanh Hóa đã tiếp tục triển khai công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các HTX thành lập mới như: Liên minh HTX tỉnh, Báo Thanh Hóa đã thực hiện 25 tin, bài, phóng sự về các hoạt động chào mừng ngày truyền thống HTX, giới thiệu, đưa tin về các gương điển hình tiên tiến trong các tổ chức KTTT, HTX trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng công nghệ số; triển khai 02 hội nghị giao ban, tập huấn, bồi dưỡng xây dựng mô hình HTX cho 160 cán bộ quản lý, thành viên HTX; đã hướng dẫn HTX tạo lập tài khoản dịch vụ công trực tuyến, sử dụng mã định danh cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký HTX theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ tư vấn lập hồ sơ, miễn phí lệ phí đăng ký kinh doanh đối với 51 HTX thành lập mới và 550 lượt đăng ký thay đổi nội dung đăng ký HTX theo Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh, giúp HTX tiết kiệm chi phí thực hiện TTHC với số tiền trên 30 triệu đồng.

3.2. Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT, HTX

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng và triển khai kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, thành viên của HTX năm 2024. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức 05 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đối tượng là cán bộ quản lý HTX với tổng kinh phí 959,6 triệu đồng. Hiện nay, Liên minh HTX tỉnh đã xây dựng xong kế hoạch chi tiết, chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức triển khai 36 hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực cho 1.969 cán bộ quản lý, thành

³ QĐ số 301/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 và số 3319/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 và số 4530/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh.

viên HTX, trong đó có 07 lớp bồi dưỡng với kinh phí 993,3 triệu đồng về các nội dung: Năng lực quản lý điều hành HTX; bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, kiểm toán trong HTX, nghiệp vụ Ban Kiểm soát; xây dựng Điều lệ, quy chế hoạt động; xây dựng chuỗi liên kết (*dự kiến hoàn thành trong năm 2024*).

3.3. Chính sách xây dựng mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị

Năm 2024, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm, hướng dẫn khu vực KTTT, HTX xây dựng các mô hình HTX kiểu mới sản xuất kinh doanh gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa như: Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện 09 mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị với tổng kinh phí hỗ trợ là 536 triệu đồng. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán và lựa chọn nhà thầu, trình UBND tỉnh phê duyệt để tiếp tục thực hiện hỗ trợ 10 mô hình HTX nông nghiệp⁴ với nhu cầu kinh phí 7.500 triệu đồng.

3.4. Chính sách tín dụng

Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh đã được chuyển đổi, tổ chức lại tại Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ. Năm 2024, UBND tỉnh Thanh Hóa đã giao Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh theo dõi, kiểm tra hoạt động cho vay, mục đích sử dụng vốn vay đối với 188 dự án đã cho vay, với số vốn vay 62.762 triệu đồng.

3.5. Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Năm 2024, tỉnh Thanh Hóa giao Liên minh HTX tỉnh tổ chức 08 cuộc xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh với tổng kinh phí hỗ trợ 330 triệu đồng để hỗ trợ 100% kinh phí thuê gian hàng, chi phí ăn ở, đi lại cho các HTX, THT tham gia quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP, giao lưu, tìm kiếm hợp đồng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đến nay, Liên minh HTX tỉnh đã tổ chức được 05 cuộc xúc tiến thương mại tại Hà Nội, Điện Biên, Nghệ An, Đà Nẵng và Bình Định với 25 HTX tham gia.

3.6. Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm:

Năm 2024, HTX nông nghiệp được hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm theo Nghị quyết số 397/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 2); Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (đợt 2), với tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 2.400 triệu đồng. Bên cạnh đó,

⁴ Theo Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 11/6/2024 của UBND tỉnh.

triển khai thực hiện Đề án phát triển, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh, tỉnh Thanh Hóa đã bố trí nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh 8.730,697 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, trong đó, kinh phí chuyển nguồn từ năm 2023 sang là 1.230,697 triệu đồng (*đã triển khai hỗ trợ 536/1.230,697 triệu đồng*).

3.7. Chính sách đất đai

Năm 2024, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện rà soát hiện trạng sử dụng đất của các HTX nông nghiệp trên địa bàn, đối với các HTX chưa có trụ sở làm việc và các HTX thành lập mới, để cập nhật nhu cầu sử dụng đất vào Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, làm cơ sở thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc theo quy định của pháp luật, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo các xã, phường, thị trấn rà soát hiện trạng và đưa vào quy hoạch các diện tích đất cho các HTX xây dựng trụ sở làm việc và đất phát triển sản xuất kinh doanh.

4. Kết quả, tình hình thực hiện các Chương trình, Đề án

4.1. Đề án phát triển, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh: UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ, phát triển HTX theo nội dung của Đề án như: Thường xuyên tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong HTX nông nghiệp; đồng thời, bố trí nguồn vốn để thực hiện các chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp. Năm 2024, bố trí nguồn kinh phí 8.730,697 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế Ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung hỗ trợ HTX nông nghiệp theo Đề án được duyệt, trong đó, kinh phí chuyển nguồn từ năm 2023 là 1.230,697 triệu đồng.

4.2. Đề án phát triển, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 5453/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh

Năm 2024, UBND tỉnh giao số kinh phí 4.256 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách tỉnh cho Liên minh HTX tỉnh thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó, triển khai 02 cuộc xúc tiến thương mại cho 10 HTX tham gia tại tỉnh Điện Biên và thành phố Đà Nẵng với tổng kinh phí 150 triệu đồng; tổ chức các hội nghị thông tin, tuyên truyền với số kinh phí 506 triệu đồng.

4.3. Đề án “Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025” theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 2/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết

định số 4917/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh

UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách 05 HTX tham gia Đề án tại Quyết định số 4917/QĐ-UBND ngày 06/12/2021. Sở Nông nghiệp và PTNT, Liên minh HTX tỉnh đã phối hợp với UBND các huyện tư vấn, hướng dẫn các HTX xây dựng, triển khai phương án sản xuất kinh doanh, tập trung vào các nội dung, tiêu chí theo kế hoạch hoàn thiện mô hình HTX kiểu mới; đến thời điểm báo cáo, Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai hỗ trợ 01 mô hình HTX (*hỗ trợ HTX DVNN và PTNT Xuân Minh, huyện Thọ Xuân xây dựng xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm*) với kinh phí hỗ trợ 2.400 triệu đồng từ ngân sách Trung ương thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

4.4. Về triển khai một số cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX tại các Chương trình, dự án khác

- *Về hỗ trợ HTX theo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*: Năm 2024, UBND tỉnh phân bổ 1.050 triệu đồng từ nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giao Liên minh HTX tỉnh tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý và thành viên các HTX trong tỉnh. Đến thời điểm báo cáo, Liên minh HTX tỉnh đã xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch tổ chức đào tạo với 7 lớp, 350 người là cán bộ quản lý, thành viên HTX; đang tổ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch đào tạo theo quy định của pháp luật, dự kiến hoàn thành vào Quý IV/2024.

- *Về Chương trình MTQG giảm nghèo*: Năm 2024, UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí 3.947,5 triệu đồng từ nguồn vốn thuộc Dự án 2 - Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, giao Liên minh HTX tỉnh thực hiện 6 mô hình, dự án⁵ hỗ trợ HTX, thành viên HTX liên kết sản xuất, kinh doanh. Đến nay, Liên minh HTX tỉnh đã và đang triển khai 5/6 mô hình.

- *Về Chương trình phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Năm 2024, UBND tỉnh phân bổ số kinh phí 648 triệu đồng từ Nguồn vốn thuộc Tiểu Dự án 2 của Dự án 3 - Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giao Liên minh HTX tỉnh tổ chức các lớp tập huấn thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng, vận hành thương mại điện tử cho thành viên THT, HTX và người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đến nay, Liên minh HTX tỉnh đang phối hợp với các sở, ngành, địa phương hoàn thiện thủ tục hồ sơ để thực hiện theo quy định của pháp luật; dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2024.

5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

5.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác phát triển KTTT,

⁵ Gồm: (1) Mô hình nuôi gà ri Mường tại xã Xuân Lộc; (2) Mô hình nuôi lợn đen sinh sản tại thị trấn Thường Xuân và xã Ngọc Phụng; (3) Mô hình chăn nuôi vịt bản địa thương phẩm trên địa bàn xã Trí Nang. (4) Dự án xây dựng vùng sản xuất lúa nếp hạt cau trên địa bàn xã Hà Trung; (5) Dự án nuôi Gà lai hồ tại xã Xuân Chinh; (6) Dự án liên kết các hộ trồng Lúa Nếp Hương chất lượng cao tại xã Giao Thiện.

HTX trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vẫn còn một số tồn tại, hạn chế; đó là:

- Chính sách hỗ trợ KTTT, HTX tuy đã được ban hành tương đối đầy đủ và đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Song, quy định về trình tự, thủ tục thực hiện một số chính sách, nhất là chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu, đất đai, tín dụng chưa cụ thể, rất khó thực hiện; đồng thời, do nguồn vốn ngân sách nhà nước các cấp còn hạn chế, việc hỗ trợ các tổ chức KTTT, HTX phải lồng ghép trong các chương trình, dự án khác nên việc triển khai chính sách chưa được nhiều, số lượng HTX tiếp cận chính sách còn ít so với nhu cầu; công trình được hỗ trợ có quy mô nhỏ làm hạn chế khả năng liên kết, mở rộng quy mô và sức cạnh tranh cũng như chưa phát huy hiệu quả khai thác.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, cơ sở sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm,... nhiều nơi chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, nên chưa hình thành được những vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn.

- Năng lực nội tại của các tổ chức KTTT, HTX còn yếu, huy động, kết nạp thêm thành viên còn khó khăn, nên thiếu nguồn lực cho đầu tư sản xuất kinh doanh; hầu hết HTX có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, trình độ năng lực cán bộ quản lý của HTX còn nhiều hạn chế, chất lượng cung ứng dịch vụ chưa cao, thiếu tính ổn định, sức cạnh tranh thấp, lợi ích đem lại cho thành viên chưa tương xứng với tiềm năng, chưa thật sự là chỗ dựa tin cậy cho phát triển kinh tế thành viên. Tính liên kết, hợp tác, tham gia chuỗi giá trị giữa các HTX, giữa HTX với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác còn hạn chế.

- Một số chỉ tiêu phát triển KTTT, HTX chưa đạt mục tiêu kế hoạch (*doanh thu bình quân một HTX đạt 99,3% kế hoạch, tổng số thành viên của HTX đạt 98,6% kế hoạch, tổng số lao động làm việc thường xuyên trong HTX đạt 98,5% kế hoạch, tổng số cán bộ quản lý HTX đạt 99,3% kế hoạch*).

- Số lượng HTX hoạt động kém hiệu quả, buộc phải giải thể hoặc tạm ngừng kinh doanh chiếm tỷ lệ lớn (*32 HTX giải thể, chiếm 2,4% và 135 HTX tạm ngừng kinh doanh, chiếm 10%*); còn 69 HTX không hoạt động, đang tiến hành giải thể nhưng phát sinh khó khăn, vướng mắc, chưa thể xử lý dứt điểm việc giải thể theo chỉ đạo của Chính phủ tại Văn bản số 6447/VPCP-NN ngày 14/9/2021 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 6563/BKHĐT-HTX ngày 28/9/2021.

5.2. Nguyên nhân

- Tình hình kinh tế khó khăn, phục hồi chậm sau dịch bệnh Covid-19; xung đột ở một số quốc gia, khu vực kéo dài làm giá cả xăng dầu và các loại hàng hóa thiết yếu, nguyên liệu đầu tăng cao, đứt gãy, gián đoạn chuỗi cung ứng, nên ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX.

- Nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ HTX còn ít nên hiệu quả chưa cao; việc nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới, hiệu quả, điển hình tiên tiến có ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo chuỗi giá trị còn ít do thiếu nguồn vốn hỗ trợ.

- Việc đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Phần lớn HTX được hình thành và chuyển đổi từ HTX cũ, đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn yếu, hoạt động quản trị điều hành HTX còn dựa trên yếu tố kinh nghiệm, chưa năng động, sáng tạo trong việc mở rộng ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm cung ứng phù hợp với thị trường; những người có trình độ, năng lực được đào tạo cơ bản, chính quy thì chưa gắn bó lâu dài với HTX.

- Nhận thức về phát triển KTTT, HTX của một số cấp ủy, chính quyền địa phương và một bộ phận cán bộ, công chức các cấp và nhân dân chưa đầy đủ, chưa hiểu đúng vị trí, vai trò và bản chất của HTX kiểu mới. Cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm; một số chính quyền cơ sở còn can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của HTX, từ đó làm mất tính tự chủ, năng động, sáng tạo của HTX.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ

Hiện nay, Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 đã có hiệu lực thi hành; song, Nghị định hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách phát triển THT, LHHTX, HTX chưa được ban hành, gây khó khăn cho các địa phương trong việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển THT, LHHTX, HTX. Vì vậy, đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định nêu trên, trong đó quy định cụ thể trình tự, thủ tục hồ sơ đối với của từng chính sách hỗ trợ để thuận tiện khi triển khai thực hiện, đảm bảo các quy định của pháp luật về KTTT, HTX được triển khai đồng bộ, hiệu quả trên phạm vi cả nước.

2. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

Những năm qua, nguồn vốn bố trí cho thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển THT, LHHTX, HTX rất hạn hẹp, chủ yếu lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia (*Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng NTM*); nên đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương báo cáo Chính phủ bố trí nguồn vốn cho thực hiện các chính sách hỗ trợ KTTT, HTX và phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương cho các địa phương thực hiện.

IV. DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 17/8/2020 về phát triển KTTT tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch phát triển KTTT, HTX các năm 2021, 2022, 2023, 2024, trong đó đã bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KTTT, HTX theo Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp và tập trung chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tạo điều kiện và thực hiện các chính sách hỗ trợ các tổ chức KTTT, HTX phát triển.

Tỉnh Thanh Hóa quyết tâm thực hiện hoàn thành và đạt kết quả cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025 đã đề ra, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu KH giai đoạn 2021 - 2025	Ước TH giai đoạn 2021 - 2025	Ước TH giai đoạn 2021-2025 so với KH 2021-2025 (%)
1	Tổng số HTX	HTX	1.128	1.310	6,67
	<i>Trong đó: Số HTX thành lập mới</i>	HTX	125	296	236,8
2	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	262.357	252.000	96,05
3	Tổng số lao động thường xuyên	Người	40.930	51.000	124,6
4	Doanh thu bình quân một HTX	Tr. Đồng	8.296	7.600	91,6
5	Lãi bình quân một HTX	Tr. Đồng	304	280	92,1
6	Thu nhập bình quân một lao động trong HTX	Tr. Đồng	56	51,5	91,96
7	Tổng số cán bộ quản lý trong HTX	Người	6.768	6.700	98,99
8	Liên hiệp HTX	LHHTX	3	3	100

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2025

I. DỰ BÁO NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025, đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, hướng tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi và tăng trưởng sau đại dịch Covid-19; khu vực

KTTT, HTX tiếp tục được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, nhiều chủ trương, chính sách đã được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi cho KTTT, HTX phát triển như: Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới với nhiều định hướng lớn tập trung phát triển KTTT, HTX; Luật HTX năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có hiệu lực thi hành; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 03/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số trong khu vực KTTT, HTX. Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh ngày càng được cải thiện, công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách TTHC được các ngành, các cấp nỗ lực thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực, tạo nhiều thuận lợi cho KTTT, HTX ra nhập thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư, nhu cầu thị trường ngày càng cao và đa dạng, xu hướng sử dụng các sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, rõ ràng nguồn gốc xuất xứ đã mở ra nhiều cơ hội cho khu vực KTTT, HTX trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng thị trường và ngày càng khẳng định được vai trò, vị thế trong nền kinh tế.

2. Khó khăn, thách thức

- Năm 2025, tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai ngày càng khốc liệt, kinh tế phục hồi chậm sau dịch bệnh Covid-19; tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, xung đột vũ trang ở một số quốc gia, khu vực kéo dài, giá cả nguyên nhiên liệu tăng cao, làm đứt gãy, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTTT.

- Tốc độ của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ngày càng nhanh đã ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn như đất đai dùng để sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm, lao động ở nông thôn ngày càng khan hiếm do doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động thu hút, có cơ chế đãi ngộ, thu nhập cao hơn.

- Ngân sách thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX của Trung ương, của tỉnh còn hạn chế.

2. Định hướng chung

Phát triển KTTT, HTX trên mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, đa dạng về quy mô và ngành nghề hoạt động, trên mọi vùng, miền của tỉnh theo đúng giá trị và nguyên tắc cơ bản của HTX, trong đó, ưu tiên xây dựng, phát triển các HTX kiểu mới, hiệu quả gắn với chuỗi giá trị, sản xuất sản phẩm OCOP; khuyến khích các tổ chức KTTT, HTX kết nạp thêm thành viên, mở rộng quy mô, tăng cường liên kết, hợp tác với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác theo chuỗi giá trị phát triển bền vững; triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ HTX nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế, yếu kém, nâng cao hiệu quả hoạt động; tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về KTTT, HTX, tạo môi trường thuận lợi cho khu vực KTTT, HTX phát triển.

3. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục khuyến khích phát triển mới các tổ chức KTTT, đa dạng về quy mô và lĩnh vực hoạt động; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KTTT, HTX gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; hỗ trợ phát triển các mô hình HTX hoạt động có hiệu quả, trở thành kiểu mẫu để nhân rộng và thu hút người dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoặc liên kết theo chuỗi giá trị; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng môi trường hoạt động, sản xuất kinh doanh lành mạnh, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các thành viên.

4. Một số mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu thành lập mới 31 HTX; vận động, thu hút thêm 5.100 thành viên; tổng số thành viên của HTX khoảng 252.000 người.

- Tổng số lao động làm việc thường xuyên tại HTX khoảng 41.000 người, trong đó, số lao động thường xuyên mới: 7.500 người.

- Tổng số cán bộ quản lý HTX khoảng trên 6.700 người, trong đó cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học 2.350 người (chiếm 35%), cán bộ đạt trình độ sơ cấp, trung cấp 2.950 người (chiếm 44%); số cán bộ quản lý còn lại đều được tham dự ít nhất một lớp tập huấn, đào tạo nghiệp vụ quản lý.

- Doanh thu bình quân một HTX khoảng 7.600 triệu đồng/năm; lãi bình quân một HTX khoảng 280 triệu đồng/năm.

- Thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên trong HTX đạt 51,5 triệu đồng/năm.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo).

5. Các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTTT, HTX năm 2025

5.1. Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý, chính sách và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX bảo đảm thiết thực, hiệu quả

- Rà soát sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ KTTT, HTX của tỉnh đã ban hành đảm bảo phù hợp với Luật HTX năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX của Trung ương, của tỉnh đã ban hành. Cân đối bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX đảm bảo thiết thực, hiệu quả theo quy định.

5.2. Tuyên truyền, tập huấn các chính sách, văn bản QPPL mới ban hành và nâng cao năng lực nguồn nhân lực khu vực KTTT, HTX

- Tiếp tục duy trì và xây dựng mới các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài để giới thiệu tuyên truyền chính sách, pháp luật, các mô hình HTX tiêu biểu, qua đó thúc đẩy sự phát triển các tổ chức KTTT cả về số lượng và chất lượng.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nhằm cập nhật, nâng cao kiến thức, trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, thành viên các tổ chức KTTT, HTX.

5.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực KTTT, HTX

- Tư vấn, hướng dẫn các tổ chức KTTT, HTX củng cố tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX; vận động thành viên HTX nâng mức góp vốn; hỗ trợ thành lập HTX và thu hút thành viên mới.

- Cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ phát triển và nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới, hiệu quả gắn với chuỗi giá trị, chương trình OCOP phù hợp với điều kiện các địa phương; khuyến khích tổ chức KTTT tham gia các hội nghị, hội chợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, quản trị sản xuất kinh doanh, chủ động tham gia cuộc cách mạng lần thứ tư, các sàn thương mại điện tử, nhằm giới thiệu, quảng bá, bán sản phẩm và tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư.

5.4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX

- Củng cố vai trò của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX các cấp, kịp thời thay thế, bổ sung thành viên của Ban Chỉ đạo. Tăng cường trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo thuộc các cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được phân công; chủ động đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp, nhằm đổi mới và phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung xử lý kịp thời, dứt điểm các khoản nợ đọng của HTX; kiên quyết giải thể HTX không còn hoạt động, hoạt động yếu kém, hoạt động không đúng bản chất, không tuân thủ quy định của Luật HTX.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với khu vực KTTT, HTX trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và tiến độ thực hiện các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ HTX đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động Liên minh HTX tỉnh, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh, tạo điều kiện hỗ trợ các HTX vay vốn ưu đãi để sản xuất kinh doanh.

5.5. Về phát huy vai trò của Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội

- Gắn hoạt động của Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị xã hội với hoạt động phát triển KTTT, HTX; thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện Luật HTX và các chính sách hỗ trợ, phát triển HTX.

- Phát huy vai trò của Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trong việc vận động nhân dân tự nguyện tham gia và thực hiện pháp luật về KTTT, HTX; chỉ đạo thành viên xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển KTTT, HTX phù hợp với nội dung Kế hoạch của tỉnh.

5.6. Về huy động nguồn lực xã hội để phát triển KTTT, HTX

Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển KTTT, HTX với các Chương trình MTQG, chương trình phát triển KT-XH tại địa phương để phát triển các tổ chức KTTT. Tranh thủ sự tài trợ, hỗ trợ nguồn lực về tài chính và cơ sở vật chất của các nhà tài trợ quốc tế, các tổ chức tài chính, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc biệt là từ nguồn lực đầu tư của các doanh nghiệp cho phát triển KTTT.

6. Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTTT, HTX đề ra trong Kế hoạch này, Giám đốc các sở, trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, lĩnh vực, địa bàn được phân công quản lý khẩn trương xây dựng Kế hoạch cụ thể của ngành, đơn vị và phân công Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện Kế hoạch; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh những nội dung, nhiệm vụ thực tế phát sinh nhằm triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phát triển KTTT, HTX tỉnh Thanh Hóa năm 2025; yêu cầu các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành các nội dung Kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

Phụ lục I

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025		
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước TH cả năm	Ước TH cả năm so với TH năm 2023 (%)	Kế hoạch năm	KH năm 2025 so với KH năm 2024 (%)	KH năm 2025 so với Ước TH 2024 (%)
I	Hợp tác xã									
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	1.323	1.348	1.342	1.348	101,89	1.310	97,18	97,18
	<i>Trong đó:</i>									
-	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	1.221	1.272	1.183	1.213	99,34	1.244	97,80	102,56
-	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	44	25	45	51	115,91	31	124,00	60,78
-	Số hợp tác xã giải thể	HTX	86	-	32	69	80,23	-	-	-
-	Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*)	HTX	749	780	805	805	107,48	810	103,85	100,62
-	Số HTX ứng dụng công nghệ cao	HTX	80	-	110	110	137,50	195	-	177,27
-	Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	HTX	598	615	602	615	102,84	632	102,76	102,76
-	Số HTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	HTX	4	4	4	4	100,00	4	100,00	100,00
-	Số HTX có thành viên là doanh nghiệp	HTX	4	4	4	4	100,00	4	100,00	100,00

-	Số HTX có thành viên là người nước ngoài	HTX	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Số xã đạt chuẩn tiêu chí 13.1 về HTX trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	Xã	369	380	376	386	104,61	396	104,21	102,59
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	251.870	255.300	251.540	251.900	100,01	252.000	98,71	100,04
	<i>Trong đó:</i>									
-	Số thành viên mới	Thành viên	5.540	5.600	4.950	5.100	92,06	5.100	91,07	100,00
-	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên	3.685	-	4.515	4.740	128,63	-		
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	40.975	41.600	40.900	40.990	100,04	41.000	98,56	100,02
	<i>Trong đó:</i>									
-	Số lao động thường xuyên mới	Người	7.220	7.345	6.550	7.500	103,88	7.500	102,11	100,00
-	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	33.755	34.255	33.115	33.240	98,47	33.500	97,80	100,78
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	6.590	6.700	6.570	6.655	100,99	6.700	100,00	100,68
	<i>Trong đó:</i>									
-	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	2.840	2.900	2.850	2.900	102,11	2.950	101,72	101,72
-	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	2.650	2.700	2.216	2.264	85,43	2.350	87,04	103,80
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	7.525	7.600	7.380	7.550	100,33	7.600	100,00	100,66
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm	-	-	-	-		-	-	-

6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	276	280	276	280	101,45	280	100,00	100,00
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	51	51,5	50,5	51	100,00	51,5	100,00	100,98
II	Liên hiệp hợp tác xã									
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	3	5	3	3	100,00	3	60,00	100,00
	<i>Trong đó:</i>									
	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX	3	5	1	1	33,33	3	60,00	300,00
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX	-	-	-	-	-	-	-	-
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX	-	-	-	-	-	-	-	-
	Số LHHTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	LH HTX	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX	15	23	15	15	100,00	15	65,22	100,00
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người	35	50	35	35	100,00	35	70,00	100,00
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Tổ hợp tác									
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	2.970	3.150	2.564	2.571	86,57	2.600	82,54	101,13
	<i>Trong đó:</i>									
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT	2.600	2.630	2.564	2.571	98,88	2.600	98,86	101,13
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	15.300	15.500	15.150	16.20 2	105,90	16.260	104,90	100,36

	<i>Trong đó:</i>									
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	360	365	-	740	205,56	750	205,48	101,35
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	642	645	-	645	100,47	650	100,78	100,78
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	145	150	-	150	103,45	150	100,00	100,00

(*) Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX.

Phụ lục II

**SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI
THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025		
				Kế hoạch	TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Ước TH cả năm so với TH năm 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với KH năm 2024 (%)	KH năm 2025 so với Ước TH năm 2024 (%)
1	HỢP TÁC XÃ									
	Tổng số hợp tác xã	HTX	1.323	1.348	1.342	1.348	101,89	1.310	97,18	97,18
	<i>Chia ra:</i>									
	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	831	841	832	836	100,60	832	98,93	99,52
	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	178	183	181	181	101,69	181	98,91	100,00
	Hợp tác xã xây dựng	HTX	19	19	20	20	105,26	20	105,26	100,00
	Hợp tác xã tín dụng	HTX	67	67	67	67	100,00	67	100,00	100,00
	Hợp tác xã thương mại	HTX	130	135	130	130	100,00	125	92,59	96,15
	Hợp tác xã vận tải	HTX	29	29	27	28	96,55	31	106,90	110,71
	Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường	HTX	29	29	29	29	100,00	29	100,00	100,00
	Hợp tác xã khác	HTX	40	45	56	57	142,50	25	55,56	43,86
2	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ									
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX	3	5	3	3	100,00	3	60,00	100,00

	Chia ra:									
	LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX	2	3	2	2	100,00	2	66,67	100,00
	LH hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX	-	-	-	-		-	-	-
	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX	-	-	-	-	-	-	-	-
	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX	-	-	-	-	-	-	-	-
	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX	1	2	1	1	100,00	1	50,00	100,00
	LH hợp tác xã vận tải	LHHTX	-	-	-	-	-	-	-	-
	LH hợp tác xã khác	LHHTX	-	-	-	-	-	-	-	-
3	TỔ HỢP TÁC									
	Tổng số tổ hợp tác	THT	2.554	2.575	2.564	2.571	100,67	2.597	100,85	101,01
	Chia ra:									
	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT	1.266	1.286	1.279	1.286	101,58	1.306	101,56	101,56
	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT	963	1.289	958	958	99,48	961	74,55	100,31
	Tổ hợp tác xây dựng	THT	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổ hợp tác tín dụng	THT	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổ hợp tác thương mại	THT	325	-	327	327	100,62	330	-	100,92
	Tổ hợp tác vận tải	THT	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổ hợp tác khác	THT	-	-	-	-	-	-	-	-